

Bản án số: **50/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 23-7-2020

V/v: “L hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu L**

- Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Hiếu**

Ông **Hồ Phi Công**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Hồ Thị Sương** - Thư ký tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc** tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lý** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 23/7/2020, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2020/TLST- HNGĐ ngày 18/5/2020 về việc “*L hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐST- HNGĐ ngày 29/6/2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Diệu L**, sinh năm: 1994

Địa chỉ: ấp 1, xã X, huyệnl tỉnh Đ

Chở ở: ấp 1, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đ Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Bùi Phúc Đ**, sinh năm: 1990

Địa chỉ: : ấp 1, xã X, huyệnl tỉnh Đ.

(Chị L và anh Đ vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diệu L trình bày: Trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, chị và anh Bùi Phúc Đ chung sống với nhau năm 2018 đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đ Nai. Vợ chồng chung không hạnh phúc nguyên nhân do tính tình không hợp, bất Đ quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau trong cuộc sống hàng ngày,

anh Đ đuổi chị ra khỏi nhà và cầm dao hù dọa chị. Chị và anh Đ đã L thân nhau từ tháng 03 năm 2020 đến nay, trong thời gian L thân anh chị đã cố gắng hòa giải đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu được L hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Gia B, sinh ngày 29/11/2018 khi L hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Bùi Phúc Đ trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Diệu L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Theo Anh cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân do sau khi chung sống, điều kiện làm ăn nên anh chị phải sống cách xa nhau, ngoài ra thời gian chung sống thì chị L không làm tròn trách nhiệm của người vợ, không tôn trọng anh, không quan tâm lo lắng cho gia đình. Anh và chị L không còn chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2019 đến nay, thời gian L thân vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị L yêu cầu L hôn, anh không Đ ý vì anh thương con không muốn con thiếu tình thương của cha mẹ. Ngoài ra anh là người theo đạo thiên chúa nên không thể L hôn được.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Gia B, sinh ngày 29/11/2018. Khi L hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền thụ lý vụ án, tư cách những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, tuân theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Về việc gửi thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và tổng đạt cho đương sự đúng thời hạn theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo thời hạn theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội Đ xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu xin L hôn của chị L nhận thấy: Chị L cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất Đ quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng cãi vã, gây gổ, mỗi lần nổi nóng anh Đ thường hù dọa làm chị L sợ. Chị L đã ôm con về nhà ngoại sống từ tháng 3/2020 đến nay. Trong quá trình L thân cả hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng không thành. Nhận thấy không còn tình cảm với anh Đ nên ngày 10/01/2020 chị L có đơn khởi kiện yêu cầu được L hôn với anh Đ. Còn anh Đ thì cho rằng mâu thuẫn giữa hai người là do chị L không tôn trọng anh, không quan tâm lo lắng cho gia đình. Anh vẫn còn tình cảm

với chị L nên muốn được quay lại đoàn tụ vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con cái, anh không Đ ý L hôn.

Xét thấy, anh Đ và chị L trong quá trình sống chung thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, hiện hai người đã L thân từ tháng 3/2020 đến nay, trong quá trình L thân cả hai không còn quan tâm, chăm sóc nhau, cả hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng không được, như vậy là đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị L được L hôn với anh Đ là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Chị L có nguyện vọng nuôi bé Bùi Gia B sinh ngày 29/11/2018 cho tới khi 18 tuổi và có khả năng lao động và không cấp dưỡng nuôi con, anh Đ cũng có nguyện vọng nuôi con và không cần chị L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Bảo còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp của mẹ. Do đó, để đảm bảo tâm sinh lý và điều kiện về mọi mặt cho con chung nghĩ nên giao cháu Bảo cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 luật Hôn nhân gia đình. Anh Đ không Đ ý cấp dưỡng và Chị L cũng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đ.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Từ phân tích trên, căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội Đ xét xử tuyên: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị L. Chị L được L hôn với anh Đ.

Về con chung: Giao con chung tên Bùi Gia B sinh ngày 29/11/2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đ.

Về tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội Đ xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị Nguyễn Thị Diệu L có đơn khởi kiện xin L hôn với anh Bùi Phúc Đ, do đó xác định chị L là nguyên đơn, anh Đ là bị đơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Diệu L và anh Bùi Phúc Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên xét xử vắng mặt chị L và anh Đ tại phiên toà là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diệu L và anh Bùi Phúc Đ tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu L hôn của chị L nhận thấy: Chị L cho rằng vợ chồng chung không hạnh phúc nguyên nhân tính tình không hợp, bất Đ quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau trong cuộc sống hàng ngày, anh Đ đuổi chị ra khỏi nhà và cầm dao hù dọa chị. Chị và anh Đ đã L thân nhau từ tháng 03 năm 2020 đến nay,

trong thời gian L thân anh chị đã cố gắng hòa giải đoàn tụ nhưng không có kết quả. Anh Đ không Đ ý L hôn vì anh thương con không muốn con thiếu tình thương của cha mẹ, hơn nữa anh là người theo đạo thiên chúa nên không thể L hôn được. Xét thấy, quá trình làm việc anh Đ thừa nhận cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc do sau khi chung sống do điều kiện làm ăn nên anh chị phải sống cách xa nhau, ngoài ra thời gian chung sống thì chị L không làm tròn trách nhiệm của người vợ, không tôn trọng anh, không quan tâm chăm sóc gia đình. Anh và chị L không còn chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2019 đến nay. Như vậy, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh chị mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy nên chấp nhận cho chị L được L hôn với anh Đ là phù hợp.

[4] Về con chung: Khi L hôn anh chị đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Gia B, sinh ngày 29/11/2018. Xét thấy, anh chị đều có điều kiện kinh tế như nhau để đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên xét thấy cháu Bảo dưới 36 tháng tuổi, cần có sự quan tâm chăm sóc của mẹ, nên giao con chung cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên tạm dưỡng nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, nên không giải quyết.

[7] Về án phí: chị L phải nộp 300.000 Đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình 2014; của Luật Hôn nhân gia đình 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

-Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diệu L được L hôn với anh Bùi Phúc Đ

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Gia B, sinh ngày 29/11/2018 cho chị Nguyễn Thị Diệu L trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Bùi Phúc Đ

Sau khi L hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật công nhận và bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: chị Nguyễn Thị Diệu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 Đ (*Ba trăm ngàn Đ*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 Đ (*Ba trăm ngàn Đ*) theo biên lai thu số 0009233 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Chị Nguyễn Thị Diệu L và anh Bùi Phúc Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Đ Nai;
- VKSND Tỉnh Đ Nai;
- VKSND Huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã, thị trấn
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu L